

UBND PHƯỜNG YÊN TỬ
TRƯỜNG TH PHƯƠNG ĐÔNG

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung
Năm học 2025-2026

TT	Số liệu	Số phòng/ diện tích	Ghi chú
A	Diện tích đất xây dựng trường, diện tích bình quân tối thiểu cho 1 học sinh	CS1: 8538,7 m ² CS2: 15.445,3 m ²	- CS1: Trung bình tỉ lệ đạt là 8,87 m ² /1hs (đạt yêu cầu về diện tích theo quy định tại Thông tư số 14/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024) - CS2: Trung bình tỉ lệ đạt là 32,65 m ² /1hs (đạt yêu cầu về diện tích theo quy định tại Thông tư số 14/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024)
B	Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, TDTT; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định	Tổng 86 (CS1: 55 CS2: 31)	
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	Tổng 54 (CS1: 34; CS2: 20)	
1	Phòng học	Tổng 42 (CS1: 27; CS2: 15)	
a	Phòng kiên cố	Tổng 42 (CS1: 27; CS2: 15)	
b	Phòng bán kiên cố	0	
c	Phòng tạm	0	
2	Phòng bộ môn	Tổng 11 (CS1: 7; CS2: 4)	01 phòng trống
a	Phòng kiên cố	Tổng 11 (CS1: 7; CS2: 4)	01 phòng trống

TT	Số liệu	Số phòng/ diện tích	Ghi chú
b	Phòng bán kiên cố	0	
c	Phòng tạm	0	
3	Khối phòng hỗ trợ học tập	Tổng 8 (CS1: 5; CS2: 3)	
a	Phòng kiên cố	Tổng 8 (CS1: 5; CS2: 3)	
b	Phòng bán kiên cố	0	
c	Phòng tạm	0	
II	Khối phòng hành chính - quản trị	Tổng 8 (CS1: 4; CS2: 4)	
1	Phòng kiên cố	Tổng 8 (CS1: 4; CS2: 4)	
2	Phòng bán kiên cố	0	
3	Phòng tạm	0	
III	Khối phụ trợ	Tổng 13 (CS1: 9; CS2: 4)	
a	Phòng kiên cố	Tổng 9 (CS1: 7; CS2: 2)	
b	Phòng bán kiên cố	Tổng 4 (CS1: 2; CS2: 2)	
c	Phòng tạm	0	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác.	03	Thiếu nhà đa năng
V	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
VI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
VII	Kết nối internet	x	
VIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
IX	Tường rào xây	x	
C	Số thiết bị dạy học hiện có, đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định		

TT	Số liệu	Số phòng/ diện tích	Ghi chú
I	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Khối lớp 1	Tổng 85 (CS1: 50 bộ; CS2: 35)	
2	Khối lớp 2	0 bộ/ lớp	
3	Khối lớp 3	0 bộ/ lớp	
4	Khối lớp 4	0 bộ/ lớp	
5	Khối lớp 5	0 bộ/ lớp	
II	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	Tổng 7 (CS1: 04; CS2: 03)	
1	Ti vi	Tổng 29 (CS1: 21; CS2: 08)	
2	Cát xét	Tổng 02 (CS1: 02; CS2: 0)	
3	Đầu Video/đầu đĩa	Tổng 01 (CS1: 01; CS2: 0)	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	Tổng 11 (CS1: 03; CS2: 8)	

Yên Tử, ngày 05 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Lại Thị Thanh Linh

